

Tạp chí
**KINH TẾ
TÀI CHÍNH
VIỆT NAM**

**BỘ TÀI CHÍNH
VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH**

Số
No. **5** [44] Tháng 10.2022
October 2022

- **Nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế Việt Nam**
- **Xu hướng điều chỉnh chính sách tài khóa - tiền tệ các nước và ảnh hưởng đến Việt Nam**
- **Phát triển thị trường trái phiếu xanh: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**

ISSN 2354 - 127X

Tạp chí
KINH TẾ
TÀI CHÍNH
VIỆT NAM

BỘ TÀI CHÍNH
VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

Hội đồng biên tập

GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT
GS.TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP
TSKH. NGUYỄN THÀNH LONG
GS.TS. NGÔ THẮNG LỢI
TS. NGUYỄN VIỆT LỢI
TS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH
PGS.TS. TÔ TRUNG THÀNH
TS. VŨ NHỮ THẮNG
PGS.TS. BÙI TẤT THẮNG
TS. LÊ THỊ THÙY VÂN

Phó Tổng biên tập

TS. ĐÀO MAI PHƯƠNG

Tòa soạn

Số 7 Phan Huy Chú
Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-24). 222 0 4022
Fax: (84.24). 222 0 4020
Website: www.nif.mof.gov.vn
Email: tapchiktccvn-nif@mof.gov.vn

Giấy phép xuất bản

Số 184/GP-BTTTT ngày 25/5/2015
của Bộ Thông tin và Truyền thông

Nơi in

Công ty TNHH In Long Sơn

ISSN 2354 - 127X

Số **5** [44] Tháng 10/2022

Trong số này

3 Nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang

18 Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế vùng: Nghiên cứu điển hình vùng đồng bằng sông Cửu Long

Hoàng Thị Minh Hà

30 Xu hướng điều chỉnh chính sách tài khóa - tiền tệ các nước và ảnh hưởng đến Việt Nam

Nguyễn Thị Hải Thu - Nguyễn Thị Phương Thúy

41 Phát triển thị trường trái phiếu xanh: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Phan Thu Thảo và nhóm nghiên cứu

51 Kinh nghiệm quốc tế về chính sách phí, lệ phí và một số khuyến nghị cho Việt Nam

Hồ Ngọc Tú

59 Thuế đối với thương mại điện tử: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam

Dương Hoàng Lan Chi

70 Chính sách về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài ở Việt Nam

Nguyễn Việt Thắng - Lê Minh Hương

Chính sách về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài ở Việt Nam

Đầu tư quốc tế là một phạm trù kinh tế phổ biến, được sử dụng để phản ánh mối quan hệ kinh tế được thực hiện giữa chủ thể của quốc gia này với chủ thể của quốc gia khác. Căn cứ vào tính chất sử dụng vốn, đầu tư quốc tế bao gồm hai hình thức: Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài. Trong đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài là một hình thức di chuyển vốn quốc tế, trong đó người chủ sở hữu vốn đồng thời là người quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn. Dứng trên góc độ quốc gia tiếp nhận vốn đầu tư, hoạt động này là hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài, còn trên góc độ của quốc gia đi đầu tư, hoạt động này là hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Vì vậy, hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về thuế ở cả hai quốc gia tiếp nhận vốn và đi đầu tư. Tuy nhiên, bài viết này chỉ xem xét chính sách liên quan đến các nghĩa vụ thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài trên góc độ nước đi đầu tư.

Từ khóa: Đầu tư ra nước ngoài, nghĩa vụ thuế.

Foreign investment, which is a common economic concept, refers to the economic relationship established by the entities of one country and another. Based on the nature of capital, foreign investment includes two forms, including foreign direct investment and foreign portfolio investment. In particular, foreign direct investment is a form of international capital movement, in which the owner of capital is also the manager and operator of capital use activities. From the perspective of the country receiving the capital investment, this activity is a foreign direct investment activity, and from the perspective of the investing country, this activity is an outward direct investment activity. Therefore, investment abroad is subject to tax laws in both the receiving and investing countries. However, this article only considers policies related to tax obligations for investment abroad from the perspective of an investing country.

Keywords: Investment abroad, tax obligations.

Ngày nhận bài: 25/8/2022

Ngày nhận phản biện, đánh giá và sửa chữa: 09/9/2022

Ngày duyệt đăng: 15/9/2022

1. Đặt vấn đề

Đầu tư ra nước ngoài là đặc trưng cơ bản của nền kinh tế mở và hội nhập hiện nay.

Sự vận động của dòng vốn đầu tư ra nước ngoài có tác dụng to lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ phát triển và tính bền vững

¹ Đại học Mỏ địa chất.

² Viện Chiến lược và Chính sách tài chính.

của kinh tế từng quốc gia cũng như kinh tế toàn cầu. Trong đó, đối với từng quốc gia, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo ra “chiếc bánh thứ hai” cho nền kinh tế, đồng thời giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tránh các rào cản thuế quan và phi thuế quan, mở rộng thị trường, nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường...

Tại các nước đang phát triển như Việt Nam, đầu tư ra nước ngoài nói chung và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài nói riêng giúp cho doanh nghiệp của các nước đang phát triển và thích nghi dần với thị trường khu vực và thế giới; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới cơ cấu sản xuất doanh nghiệp, áp dụng các công nghệ sản xuất mới, tăng cường tính năng động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp; đồng thời giúp các doanh nghiệp phát huy được thế mạnh, của các sản phẩm doanh nghiệp, đặc biệt là những sản phẩm truyền thống.

Chính phủ là nhân tố trực tiếp tác động đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp. Để khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, vai trò của Chính phủ là rất quan trọng trong việc tạo lập thị trường, tạo môi trường đầu tư và hành lang pháp lý, tạo khuôn khổ cho các hoạt động đầu tư ra nước ngoài thông qua việc ban hành các quy định, thủ tục cấp phép đầu tư ra nước ngoài, chính sách tỷ giá hối đoái của nước đi đầu tư, chính sách thuế hay các ưu đãi thuế, bảo đảm/bảo hiểm đầu tư, tăng cường các hoạt động ngoại giao, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định song phương, đa phương về thương mại, đầu tư nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư khi đi đầu tư. Trong đó, việc ban hành các quy định liên quan đến nghĩa vụ thuế cũng như thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế (ưu đãi miễn, giảm thuế) đối với các doanh nghiệp và nhà đầu tư khi thực

hiện đầu tư ra nước ngoài là một thành phần quan trọng trong quản lý, giám sát, cũng như tạo động lực thúc đẩy hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Tổng quan chung về chính sách liên quan đến các nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư khi đầu tư ra nước ngoài

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về đầu tư ra nước ngoài. Các tổ chức như: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đứng trên quan điểm lợi nhuận và quyền kiểm soát của nhà đầu tư nước ngoài để đưa ra định nghĩa về đầu tư ra nước ngoài; trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dựa trên nguồn vốn ở nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài giành quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng nhất định đến doanh nghiệp, tổ chức. Mặc dù tiếp cận dưới các góc độ khác nhau nhưng có thể thấy các quan điểm đều thống nhất cho rằng: Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một hình thức đầu tư quốc tế, trong đó nhà đầu tư của một nền kinh tế đóng góp một số vốn hoặc tài sản lớn vào một nền kinh tế khác để sở hữu hoặc điều hành, kiểm soát đối tượng họ bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích lợi nhuận hoặc các lợi ích kinh tế khác. Đồng thời, đứng trên góc độ nước đi đầu tư, nghiên cứu cho rằng, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là hình thức đầu tư quốc tế mà chủ thể đầu tư đưa vào nước tiếp nhận một số vốn hoặc tài sản đủ lớn để sở hữu hoặc điều hành hoặc giành quyền kiểm soát các hoạt động đầu tư đó nhằm tìm kiếm lợi nhuận và đạt được những mục tiêu khác.

Chính sách liên quan đến các nghĩa vụ thuế (gọi chung là chính sách thuế) được hiểu là những các quan điểm, đường lối của Nhà nước trong việc nhìn nhận vai trò của thuế, mục tiêu sử dụng công cụ thuế, phạm vi tác động, tỷ lệ điều tiết, định

hướng trong dài hạn... nhằm làm cho công cụ thuế phát huy tốt nhất các vai trò theo chiến lược và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và được thể hiện thông qua các văn bản pháp luật về thuế. Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, chính sách thuế của Chính phủ nước đi đầu tư là các quy định nghĩa vụ thuế xuất - nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, buộc doanh nghiệp, nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài phải thực hiện, cụ thể:

(i) Nghĩa vụ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Hàng hóa là máy móc, thiết bị, bộ phận rời, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu do nhà đầu tư xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài; máy móc, thiết bị, bộ phận rời, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu do nhà đầu tư xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài; Máy móc, thiết bị, bộ phận rời xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài, khi thanh lý hoặc kết thúc dự án nếu được nhập khẩu trở lại; Hàng hóa được chia khi thanh lý hoặc kết thúc dự án đầu tư tại nước ngoài do đầu tư bằng tiền; hàng hóa là phần được chia doanh thu hoặc lợi nhuận của dự án đầu tư tại nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam; Mẫu vật, tài liệu kỹ thuật (băng từ, băng giấy và các tài liệu khác) nhập khẩu nhằm mục đích nghiên cứu, phân tích để việc thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài;... thực hiện theo các quy định về thuế xuất - nhập khẩu (XNK).

(ii) Nghĩa vụ thuế GTGT: Hàng hóa của các dự án đầu tư ra nước ngoài gồm máy móc, thiết bị, bộ phận rời và vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu (trừ tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến thành sản phẩm khác) xuất khẩu ra nước ngoài để tạo

tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài; Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức tạm xuất, tái nhập để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với doanh nghiệp ở nước ngoài được áp dụng theo hình thức tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất; Hàng hóa là máy móc, thiết bị, bộ phận rời xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư ra nước ngoài, khi thanh lý hoặc kết thúc dự án nếu được phép nhập khẩu trở lại Việt Nam; hàng hóa được chia khi thanh lý hoặc kết thúc dự án đầu tư tại nước ngoài do đầu tư bằng tiền; hàng hóa là phần được chia doanh thu hoặc lợi nhuận của dự án đầu tư tại nước ngoài, nhập khẩu vào Việt Nam;... là đối tượng áp dụng thuế GTGT và thực hiện các quy định về thuế GTGT theo luật hiện hành.

(iii) Nghĩa vụ thuế TNDN: Được áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp ở nước ngoài. Việc kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa nước đi đầu tư, nước nhận đầu tư và các quy định về TNDN trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế. Khi mức thuế suất ở trong nước cao hơn ở nước ngoài thì việc đầu tư ra nước ngoài sẽ thu được nhiều lợi nhuận hơn.

3. Đánh giá chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài

3.1. Đối với thuế xuất - nhập khẩu

Trong giai đoạn 2010 - 2021, các chính sách về thuế XNK thực hiện theo Luật Thuế NXX năm 2005, Nghị định số 87/2010/NĐ-CP, Luật Thuế XNK năm 2016, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Thông tư số 11/2010/TT-BTC và Thông tư số 104/2011/TT-BTC.

Ưu đãi về thuế xuất khẩu

Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án do nhà đầu tư xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài (dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) được miễn thuế.

Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức tạm xuất, tái nhập để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài, khi xuất khẩu thực hiện kê khai, nộp thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế XNK, nếu tái nhập thì không phải nộp thuế nhập khẩu và được xét hoàn lại số thuế xuất khẩu đã nộp (nếu có) tương ứng với số hàng hóa thực tế đã tái nhập khẩu.

Ưu đãi thuế nhập khẩu

Máy móc, thiết bị, bộ phận rời xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài, khi thanh lý hoặc kết thúc dự án nếu được nhập khẩu trở lại vào Việt Nam thì được xét hoàn thuế xuất khẩu đã nộp (nếu có) tương ứng với số lượng hàng hóa thực tế tái nhập và không phải nộp thuế nhập khẩu. Ngoài ra, hàng hóa xuất xứ từ một số địa bàn ưu đãi đầu tư như Lào, Campuchia được hưởng một số ưu đãi về thuế nhập khẩu như:

Từ tháng 02/2012 - 01/2014: Hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia khi nhập khẩu vào Việt Nam được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% theo Danh mục hàng hóa cụ thể quy định tại Thông tư số 68/2011/TT-BTC ngày 18/5/2011 và Thông tư số 82/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012.

Từ ngày 31/12/2012 - 25/4/2014: Theo thông tư số 201/TT-BTC ngày 16/11/2012 hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước quy định hàng hóa là nông sản chưa qua chế biến do các doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng (bằng các hình thức như: Bỏ vốn, trực tiếp trồng hoặc đầu tư bằng tiền, hiện vật) tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam, nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất hàng hóa tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

3.2. Đối với thuế giá trị gia tăng

Thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị, bộ phận rời và vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu (trừ tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến thành sản phẩm khác) xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài. Các hàng hóa này để được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào phải đáp ứng các điều kiện về thủ tục, hồ sơ như quy định tại Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Riêng điều kiện hợp đồng bán hàng hóa ký với nước ngoài và chứng từ thanh toán tiền hàng hóa được thay bằng Danh mục hàng hóa xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài do doanh nghiệp tự kê khai (ghi cụ thể, chủng loại, số lượng và trị giá hàng hóa).

Không chịu thuế GTGT áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức tạm xuất, tái nhập để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với doanh nghiệp ở nước ngoài được áp dụng theo hình thức tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất.

3.3. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Luật Thuế TNDN (năm 2008, 2013); Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN; Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, có hiệu lực kể từ ngày 06/8/2015, việc nộp thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài được thực hiện một số nội dung sau:

(i) Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài chuyển phần thu nhập sau khi đã nộp thuế TNDN ở nước ngoài của doanh nghiệp về Việt Nam đối với các nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần³ thực hiện theo quy định của Hiệp định; đối với các nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì trường hợp thuế TNDN ở các nước mà doanh nghiệp đầu tư chuyển về có mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn thì

thu phần chênh lệch so với số thuế TNDN tính theo Luật Thuế TNDN của Việt Nam.

(ii) Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh tại nước ngoài, thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN hiện hành của Việt Nam, ngay cả khi doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập theo quy định của nước doanh nghiệp đầu tư. Mức thuế suất thuế TNDN để tính và kê khai thuế đối với các khoản thu nhập từ nước ngoài là 22% (từ ngày 01/01/2016 là 20%), không áp dụng mức thuế suất ưu đãi (nếu có) mà doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đang được hưởng theo Luật Thuế TNDN hiện hành.

Trường hợp khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài đã chịu thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) ở nước ngoài, khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài hoặc đã được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay (tính cả thuế đối với tiền lãi cổ phần), nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật Thuế TNDN của Việt Nam. Số thuế TNDN Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được miễn, giảm đối với phần lợi nhuận được hưởng từ dự án đầu tư ở nước ngoài theo luật pháp của nước doanh nghiệp đầu tư cũng được trừ khi xác định số thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam.

3 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần là điều ước quốc tế được ký kết giữa hai chủ thể của luật quốc tế (chủ yếu là quốc gia) nhằm tránh việc đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn và lậu thuế đối với thu nhập và thuế tài sản. Đến năm 2021, Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTAAs) cùng với 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hiệp định là một trong các căn cứ quan trọng tạo hành lang pháp lý về thuế cho hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như thu hút đầu tư từ các nước vào Việt Nam. Mục đích ký kết các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần nhằm loại bỏ việc đánh thuế trùng bằng cách: Miễn, giảm số thuế phải nộp tại Việt Nam cho các đối tượng cư trú của nước ký kết hiệp định; hoặc khấu trừ số thuế mà đối tượng cư trú Việt Nam đã nộp tại nước ký kết hiệp định vào số thuế phải nộp tại Việt Nam.

Ngoài ra, các hiệp định này còn tạo khuôn khổ pháp lý cho việc hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa cơ quan thuế Việt Nam với cơ quan thuế các nước/vùng lãnh thổ trong công tác quản lý thuế quốc tế nhằm ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài có chuyển phần thu nhập về nước mà không thực hiện kê khai, nộp thuế đối với phần thu nhập chuyển về nước thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất - kinh doanh tại nước ngoài theo quy định của Luật Quản lý thuế (Phụ lục 1).

Chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài. Trong giai đoạn 2010 - 2020, số lượng dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tăng. Năm 2021, có 61 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt trên 409 triệu USD (tăng 28,6% so với cùng kỳ) và 22 lượt dự án điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn điều chỉnh giảm trên 776 triệu USD (giảm gần 3,9 lần so với cùng kỳ).

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam ở hầu hết các ngành như: Nông lâm nghiệp, năng lượng, viễn thông, bất động sản, hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải kho bãi, dịch vụ y tế, giáo dục... Bên cạnh đó, lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài ở lĩnh vực nông nghiệp với giá trị gia tăng thấp, đang dần chuyển hướng sang lĩnh vực công nghệ. Do đó, trình độ phát triển của doanh nghiệp Việt Nam sẽ tạo cơ hội lớn cho hoạt động liên kết, nhập khẩu công nghệ về ứng dụng trong nước. Trong đó, năm 2021, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ dẫn đầu với 1 dự án mới và 3 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đạt trên 420,8 triệu USD, tăng 6,7 lần so với năm 2020. Ngành bán buôn, bán lẻ đứng thứ 2, với tổng vốn đầu tư gần 160,9 triệu USD, tăng hơn 2,5 lần so với năm 2020; tiếp theo là các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến và chế tạo...

Các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào 38 quốc gia và vùng lãnh thổ, cụ thể: Năm 2021, đầu tư từ Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ với 4 dự án đầu tư mới và 3 dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 307,3 triệu USD, tăng 4,4 lần so với năm 2020. Đầu tư của Việt Nam sang Singapore với tổng vốn đầu tư trên 141,7 triệu USD, tăng gần 3,6 lần so với năm 2020. Tiếp theo là Campuchia, Israel, Canada, Lào, Đức với vốn đầu tư lần lượt là: 89,4 triệu USD, 71,6 triệu USD, 57,6 triệu USD, 48,6 triệu USD, 33,5 triệu USD.

Việc doanh nghiệp Việt Nam tăng thêm vốn cho các dự án nước ngoài trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trong khi tình hình tổng vốn đầu tư ra nước ngoài toàn cầu giảm mạnh, điều đó giúp cho những doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt cơ hội mở rộng, khai thác vào các thị trường nước ngoài trên cơ sở lợi thế sẵn có của doanh nghiệp và tận dụng cơ chế ưu đãi của nước sở tại ở thời điểm khó khăn này.

Tuy nhiên, một số quy định về chính sách thuế đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài còn chưa khuyến khích doanh nghiệp đầu tư theo địa bàn, lĩnh vực ưu tiên nhằm định hướng đầu tư, cụ thể:

(i) Việc quy định một mức thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập nhận được từ hoạt động đầu tư tại nước ngoài sẽ dẫn tới đồng nhất về nghĩa vụ thuế đối với các dự án chưa cần khuyến khích đầu tư ra nước ngoài sử dụng nhiều nguồn lực trong nước với dự án cần thiết phải khuyến khích đầu tư ra nước ngoài vì lý do an ninh quốc phòng hoặc nhằm mở rộng thị trường, phù hợp với khả năng của Việt Nam, tìm kiếm nguồn năng lượng phục vụ nhu cầu trong nước. Việt Nam chưa có quy định linh hoạt về chính sách đầu tư nói chung và ưu đãi thuế nói riêng theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài.

(ii) Các quy định liên quan đến chuyển lợi nhuận về nước

Theo quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài phải chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế (hoàn thành nghĩa vụ thuế với nước tiếp nhận đầu tư) về Việt Nam trong khi cơ chế tài chính hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ lợi nhuận tối thiểu mà các dự án đầu tư được phép giữ lại tại nước ngoài để hình thành các quỹ tài chính hoặc tái đầu tư làm cơ sở để doanh nghiệp chuyển lợi nhuận về nước. Từ đó, dẫn tới khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hợp nhất báo cáo tài chính với công ty mẹ ở Việt Nam và phát sinh thêm thủ tục hành chính xin cấp phép tại cơ quan chức năng về việc giữ một phần lợi nhuận tại nước ngoài để tái đầu tư, phục vụ nhu cầu cấp thiết của dự án.

Quy định về chuyển lợi nhuận từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài chưa thực sự đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, chưa đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và không khuyến khích đàm phán ký kết hiệp định thuế, cụ thể: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN và Luật sửa đổi bổ sung Luật Thuế TNDN, trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (thành lập hay không thành lập pháp nhân tại nước ngoài) khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam đối với thu nhập từ dự án đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam được trừ số thuế thu nhập đã nộp tại nước ngoài nhưng không vượt quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của Việt Nam.

Bên cạnh đó, tùy theo mỗi hiệp định tránh đánh thuế 2 lần đã ký kết mà Việt Nam có thể sẽ thực hiện một biện pháp hoặc kết hợp các biện pháp tránh đánh thuế hai lần: Khấu trừ trực tiếp, khấu trừ gián tiếp, khấu trừ số thuế khoán. Với những nước đã ký hiệp định với Việt Nam không có quy định về khấu trừ thuế gián tiếp thì

được khấu trừ khoản thuế đánh trên lãi cổ phần, không được khấu trừ thuế đánh trên thu nhập của pháp nhân tại nước ngoài. Tuy nhiên, thực tế có nhiều hiệp định có quy định nghĩa vụ cao hơn nhưng do nội luật không có quy định như nội luật Việt Nam không đánh thuế đối với tiền lãi cổ phần (cổ tức), trong khi đó hầu hết các hiệp định đều có quy định áp dụng thuế đối với cổ tức là 5%, 10% hoặc 15%. Do đó, Việt Nam không thể đánh thuế theo quy định của hiệp định.

Vì vậy, đối với trường hợp một số hiệp định thuế giữa Việt Nam và các nước không có quy định về khấu trừ thuế gián tiếp mà chỉ quy định khấu trừ thuế trực tiếp nhưng doanh nghiệp vẫn được thực hiện theo quy định của nội luật (khấu trừ cả số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài đối với thu nhập từ lãi cổ phần và thuế TNDN mà pháp nhân nước ngoài đã nộp tại nước ngoài). Với những quy định trên thì trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào các nước chưa ký hiệp định thuế với Việt Nam khi tính thuế tại Việt Nam vẫn được khấu trừ thuế như đầu tư vào các nước đã ký hiệp định thuế với Việt Nam, dẫn tới giảm số thuế thu được đối với thu nhập từ đầu tư ra nước ngoài và có thể dẫn đến việc không khuyến khích, thúc đẩy việc đàm phán ký kết hiệp định thuế.

4. Khuyến nghị hoàn thiện chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong thời gian tới

Thời gian tới, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát huy thế mạnh tại các thị trường truyền thống như Lào, Campuchia, Myanmar và các nước trong khu vực ASEAN. Đồng thời, từng bước đầu tư sang các thị trường mới như: Mỹ La tinh, Đông Âu, châu Phi dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và thực lực của các thành phần kinh tế Việt Nam, qua đó giúp

doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận với những nguồn lực mới, tiếp cận với thị trường nguyên liệu đầu vào dồi dào với giá thành rẻ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần mở rộng đầu tư tại các nước phát triển, chú trọng thị trường mà doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế xuất khẩu như: Hoa Kỳ, các nước Liên minh châu Âu (EU) nhằm cải thiện chất lượng dòng vốn ra của Việt Nam, thúc đẩy chuyển hướng đầu tư từ lĩnh vực nông nghiệp với GTGT thấp sang các ngành, lĩnh vực có giá trị cao hơn, trong đó có lĩnh vực công nghệ, tạo cơ hội lớn cho hoạt động liên kết, nhập khẩu công nghệ về ứng dụng phục vụ phát triển trong nước.

Trong khi đó, nghiên cứu kinh nghiệm một số nước, đặc biệt là các nước trong khu vực châu Á (Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc...), để thúc đẩy hoạt động đầu tư ra nước ngoài, ngoài các chương trình hỗ trợ xúc tiến đầu tư, Chính phủ cũng tập trung nhiều vào các chính sách ưu đãi thuế (miễn, giảm thuế), chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ trực tiếp, chính sách tín dụng, bảo lãnh tín dụng,... Trong đó, tại Hàn Quốc cho phép doanh nghiệp này được khấu trừ số tiền thuế đã nộp hoặc sẽ phải nộp ở nước ngoài tương ứng với tỷ lệ của phần thu nhập phát sinh ở nước ngoài (bao gồm cả cổ tức) trong tổng thu nhập chịu thuế. Đồng thời, để tránh đánh thuế trùng đôi với thu nhập từ đầu tư ở nước ngoài, Chính phủ Hàn Quốc cũng tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Tính đến tháng 3/2019, Hàn Quốc đã ký các hiệp định thuế song phương với 93 quốc gia. Trường hợp số tiền thuế đã nộp hoặc sẽ phải nộp ở nước ngoài lớn hơn mức được giảm trừ trong năm tính thuế thì số tiền thuế chưa được khấu trừ sẽ được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo trong thời gian 5 năm.

Chính phủ Trung Quốc cho phép miễn thuế TNDN trong 5 năm đầu sau khi doanh

NGHIỆP ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG Ở NƯỚC NGOÀI; áp dụng mức thuế suất ưu đãi 20% (so với mức phổ thông 28%) cho 5 năm tiếp theo; giảm thuế doanh thu đối với hoạt động khai thác dầu lửa và khí đốt ở nước ngoài cho các doanh nghiệp; giảm thuế doanh nghiệp từ 25% còn 15% đối với các doanh nghiệp công nghệ cao được Bộ Khoa học và Công nghệ Trung Quốc cấp phép. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng quy định các doanh nghiệp xuất khẩu thiết bị và nguyên liệu cho các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được hoàn thuế GTGT. Nếu doanh nghiệp có giấy phép hoặc hạn ngạch thì xuất khẩu cho các dự án đầu tư trực tiếp ra được Chính phủ ưu đãi hơn so với xuất khẩu thông thường.

Chính phủ Singapore miễn thuế cho tất cả lợi nhuận chuyển từ nước ngoài về nước nhằm khuyến khích các công ty Singapore chuyển lợi nhuận về nước thay vì chuyển lợi nhuận sang nơi khác (Rasiah, Gammeltoft và Jiang, 2010). Ngoài ra, một số chi phí nhất định liên quan đến các hoạt động mở rộng thị trường quốc tế và phát triển đầu tư đủ điều kiện sẽ được khấu trừ thuế đối với các khoản thuế phải nộp ở Singapore theo Chương trình khuyến khích Quốc tế hóa khấu trừ hai lần. Ngoài ra, Chính phủ Singapore cũng ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với hơn 50 quốc gia nhằm đảm bảo tránh đánh thuế hai lần và miễn trừ tất cả các khoản thu nhập có nguồn gốc từ nước ngoài, tạo điều kiện mở rộng giao thương quốc tế.

Tại Thái Lan, Chính phủ đẩy mạnh việc ký kết các hiệp định đánh thuế hai lần (DTAs) nhằm đảm bảo các thu nhập tạo ra từ các khoản đầu tư của Thái Lan không bị đánh thuế hai lần (ở nước sở tại và ở Thái Lan), qua đó giảm bớt gánh nặng thuế cho các công ty đầu tư vào Thái Lan, đồng thời cũng giảm bớt gánh nặng thuế, khuyến khích các công ty Thái Lan khi thâm nhập thị trường nước ngoài. Thái Lan đã ký 61

DTA bao gồm với tất cả AMS, ngoại trừ Brunei Darussalam, sử dụng cả hai phương pháp này. Vì vậy, trong thời gian tới, để tăng cường quản lý, giám sát cũng như khuyến khích dòng vốn đầu tư ra nước ngoài, cần hoàn thiện một số chính sách như sau:

(i) Bổ sung quy định doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại nước ngoài, báo cáo tình hình chuyển lợi nhuận về nước về Bộ Tài chính và cơ quan giám sát thuế địa phương làm cơ sở đánh giá hiệu quả đầu tư và tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Theo các quy định hiện hành, trách nhiệm quản lý ngành của Bộ Tài chính chủ yếu ở khâu hậu kiểm, đánh giá hiệu quả tài chính dự án sau khi dự án đã đi vào hoạt động; các quy định về chế độ báo cáo hiện hành mới dừng lại tại khâu giám sát tiến độ dự án đầu tư sau khi cấp phép, kết quả hoạt động dự án qua báo cáo kết quả kinh doanh nên chưa tạo lập được cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước giám sát trực tiếp tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp ở nước ngoài.

Vì vậy, ngoài các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư; báo cáo quyết toán thuế gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định, cần bổ sung quy định doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại nước ngoài, báo cáo tình hình chuyển lợi nhuận về nước về Bộ Tài chính và cơ quan giám sát thuế địa phương.

(ii) Hoàn thiện các ưu đãi thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách về thuế

TNDN đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hướng cho phép áp dụng mức ưu đãi đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài có tính đến địa bàn, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư thay vì áp dụng một mức thuế suất chung đối với thu nhập nhận được từ mọi địa bàn, mọi lĩnh vực ưu đãi đầu tư như hiện nay. Để thực hiện được giải pháp này cần phải rà soát, ban hành danh mục địa bàn, lĩnh vực khuyến khích đầu tư ra nước ngoài.

(iii) Hoàn thiện quy định liên quan đến chuyển lợi nhuận về nước:

Quy định cụ thể về tỷ lệ lợi nhuận sau thuế tối đa doanh nghiệp được giữ lại để trích lập các quỹ dự phòng và các quỹ khác theo quy định của nước nhận đầu tư và nhu cầu của doanh nghiệp, làm căn cứ giám sát việc chuyển lợi nhuận về nước, hợp nhất báo cáo tài chính với công ty mẹ và quyết toán thuế TNDN đối với Việt Nam. Một trong những bất cập ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam là quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài phải chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế (hoàn thành nghĩa vụ thuế với nước tiếp nhận đầu tư) về Việt Nam trong khi cơ chế tài chính hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ lợi nhuận tối thiểu mà các dự án đầu tư được phép giữ lại tại nước ngoài để hình thành các quỹ tài chính nhằm đáp ứng quy định của nước sở tại hoặc tái đầu tư làm cơ sở để doanh nghiệp chuyển lợi nhuận về nước. Vì vậy, việc bổ sung quy định này sẽ khắc phục được khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình hợp nhất báo cáo tài chính với công ty mẹ ở Việt Nam và không để xảy ra tình trạng "xin cho" do doanh nghiệp không cần làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng về việc giữ một phần lợi nhuận tại nước ngoài để tái đầu tư, phục vụ nhu cầu cấp thiết của dự án.

Đảm bảo tính đồng bộ trong các quy định về chuyển lợi nhuận về nước với Luật Đầu tư cũng như đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Theo đó, cần sửa đổi Luật Quản lý thuế, trong đó bổ sung nguyên tắc khai thuế và tính thuế như sau: “Người nộp thuế có lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài. Người nộp thuế không được khấu trừ số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài khi tính thuế TNDN phải nộp ở Việt Nam đối với thu nhập nhận được từ đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp người nộp thuế đầu tư vào các nước đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì thực hiện theo quy định của hiệp định”.

(iv) Đẩy mạnh việc ký kết các hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài, với khoản thu nhập phát sinh, nhà đầu tư bị thu thuế trong nước và nước nhận đầu tư. Để không bị thu thuế trùng, khuyến khích đầu tư, các quốc gia cần ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các hình thức đa phương hoặc song phương. Do đó, để hạn chế việc thu thuế trùng, các quốc gia trên thế giới đều đàm phán, ký kết các hiệp

định tránh đánh thuế hai lần, để thu hút đầu tư cũng như bảo vệ nhà đầu tư trong nước khi thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài.

Hiện nay, Việt Nam ký kết 80 hiệp định tránh đánh thuế hai lần và chủ yếu đứng trên góc độ nhằm thu hút đầu tư (phần lớn các đối tác đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn của Việt Nam cũng đều ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam). Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam đã và đang có sự dịch chuyển tích cực, đặc biệt là dòng vốn sang các nước phát triển. Vì vậy, Việt Nam cần rà soát, đẩy mạnh đàm phán, ký kết các hiệp định này với các quốc gia Việt Nam có dòng vốn ra; đồng thời đánh giá hiệu quả các hiệp định đã ký kết làm cơ sở để rút kinh nghiệm trong việc đàm phán ký kết các hiệp định mới. Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành kịp thời các thông tư hướng dẫn thực hiện hiệp định đã ký kết và tăng cường trao đổi thông tin giữa Việt Nam với các nước ký kết để nâng cao hiệu quả thi hành hiệp định. Ngoài ra, cần tuyên truyền và giáo dục cho các doanh nghiệp hiểu biết về các hiệp định để doanh nghiệp có cơ hội tận dụng các ưu đãi đã ký kết. ●

Tài liệu tham khảo

1. Đào Phương Nam (2016), *Đẩy mạnh đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Kinh nghiệm từ Trung Quốc và Hàn Quốc*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 1 - 2016, trang 60 - 62.
2. Đặng Phương Linh (2018), *Đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài và một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí Tài chính.
3. Nguyễn Trọng Cơ (2016), *Đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam - Những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán, số 04 (153) - 2016, trang 3 - 6.
4. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2018), *Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam: Nhân tố tác động và hàm ý chính sách*, Luận án Tiến sĩ kinh tế quốc tế, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Phạm Đức Anh, Nguyễn Thị Cẩm Thùy (2018), *Tăng cường hiệu lực Hiệp định Chống đánh thuế trùng hỗ trợ đầu tư và thương mại quốc tế - Kinh nghiệm từ ASEAN và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 197, tháng 10/2018.
6. Thùy Linh (2018), *Thêm nguyên tắc khai thuế, tính thuế đối với trường hợp đầu tư ra nước ngoài*, Báo Đầu tư.